

THÔNG TƯ**Quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương, bao gồm: Danh mục vật liệu nổ công nghiệp, Danh mục tiền chất thuốc nổ được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam; thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; cơ quan quản lý có thẩm quyền ban hành văn bản đề nghị cấp giấy phép dịch vụ nổ mìn trên thềm lục địa hoặc có phạm vi hoạt động trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; hồ sơ, thủ tục đăng ký mới, đăng ký bổ sung để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, đánh giá và công nhận kết quả đăng ký sản phẩm vật liệu nổ trong giai đoạn nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, sản xuất hoặc lần đầu nhập khẩu vào Việt Nam vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam; đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, xây dựng phương án nổ mìn, hộ chiếu nổ mìn, kế



hoạch ứng cứu khẩn cấp và chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất trong quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; mẫu giấy đề nghị, giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; mẫu thông báo sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, thông báo thực hiện hoạt động dịch vụ nổ mìn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan đến quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ ở Việt Nam.

Điều 3. Danh mục vật liệu nổ công nghiệp và Danh mục tiền chất thuốc nổ được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng ở Việt Nam

1. Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng ở Việt Nam (sau đây viết tắt là Danh mục vật liệu nổ công nghiệp), bao gồm:

a) Thuốc nổ công nghiệp, phụ kiện nổ công nghiệp, thuốc nổ mạnh quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Vật liệu nổ công nghiệp phục vụ thăm dò, khai thác dầu khí được thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

c) Vật liệu nổ công nghiệp đã được công nhận kết quả đăng ký theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

2. Danh mục tiền chất thuốc nổ được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng ở Việt Nam (sau đây viết tắt là Danh mục tiền chất thuốc nổ) quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ và ban hành văn bản đề nghị cấp giấy phép dịch vụ nổ mìn

1. Bộ Công Thương cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép dịch vụ nổ mìn trên thềm lục địa hoặc dịch vụ nổ mìn có phạm vi hoạt động trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Thẩm quyền của Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

a) Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp;

b) Cấp, cấp lại giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp;

c) Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp hoặc

có giấy phép hoạt động khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, trừ tổ chức, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng và tổ chức, doanh nghiệp có giấy phép hoạt động khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp để khai thác đá ốp lát, bột đá carbonat canxi;

d) Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép dịch vụ nổ mìn tại địa phương có phạm vi hoạt động giới hạn trong địa bàn đất liền của 01 (một) tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương;

đ) Ban hành văn bản đề nghị cấp giấy phép dịch vụ nổ mìn trên thêm lục địa hoặc có phạm vi hoạt động trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Thẩm quyền của Cục Hóa chất

a) Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ;

b) Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp;

c) Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ.

4. Thẩm quyền của Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Sở Công Thương)

a) Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ trên địa bàn quản lý, trừ các tổ chức quy định tại điểm c khoản 2 Điều này và các tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

b) Cấp, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ.

Điều 5. Mẫu giấy đề nghị, giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; mẫu thông báo sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, thông báo thực hiện hoạt động dịch vụ nổ mìn

1. Mẫu giấy đề nghị, giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Mẫu thông báo sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, thông báo thực hiện hoạt động dịch vụ nổ mìn theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 38, khoản 9 Điều 40 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Hồ sơ, thủ tục đăng ký mới, đăng ký bổ sung để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ

1. Hồ sơ, thủ tục đăng ký mới, đăng ký bổ sung để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo

quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

2. Hồ sơ, thủ tục đăng ký mới, đăng ký bổ sung để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp cấp Bộ không sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

3. Hồ sơ, thủ tục đăng ký mới

a) Hồ sơ bao gồm: Văn bản đăng ký nhiệm vụ theo Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản về đăng ký nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với trường hợp tổ chức chủ trì nhiệm vụ là đơn vị có cơ quan chủ quản); thuyết minh nhiệm vụ theo Mẫu số 02 hoặc Mẫu số 03 hoặc Mẫu số 04 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này; hồ sơ minh chứng việc đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 34 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ, hợp lệ, Vụ Khoa học và Công nghệ tổ chức rà soát, đánh giá nội dung hồ sơ và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, ban hành quyết định phê duyệt nhiệm vụ bao gồm các nội dung: Tên, mục tiêu, nội dung, tiến độ và sản phẩm của nhiệm vụ. Trường hợp cần thiết, Vụ Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, chuyên gia có liên quan trước khi trình Bộ trưởng Bộ Công Thương. Trường hợp không phê duyệt, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp có sự thay đổi tên, mục tiêu, nội dung, tiến độ và sản phẩm của nhiệm vụ đã được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện đăng ký bổ sung theo thủ tục quy định tại khoản 3 Điều này. Hồ sơ đăng ký bổ sung bao gồm: Văn bản đăng ký bổ sung và tài liệu chứng minh sự thay đổi.

5. Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 (một) bộ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công Thương hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc gửi trực tiếp về Vụ Khoa học và Công nghệ.

Điều 7. Hồ sơ, thủ tục đăng ký mới, đăng ký bổ sung để đánh giá và công nhận kết quả đăng ký sản phẩm vật liệu nổ trong giai đoạn nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, sản xuất hoặc lần đầu nhập khẩu vào Việt Nam vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp

1. Việc đăng ký mới, đăng ký bổ sung sản phẩm vật liệu nổ vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp bao gồm:

a) Đăng ký mới đối với sản phẩm vật liệu nổ chưa có trong Danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đăng ký bổ sung đối với sản phẩm vật liệu nổ phù hợp chủng loại, chỉ tiêu đặc tính kỹ thuật của sản phẩm thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ, thủ tục đăng ký mới, đăng ký bổ sung

a) Hồ sơ đăng ký mới, đăng ký bổ sung gồm: Văn bản đăng ký và thành phần hồ sơ theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Tổ chức, doanh nghiệp nộp 01 (một) bộ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công Thương hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc gửi trực tiếp về Vụ Khoa học và Công nghệ.

3. Thử nghiệm, đánh giá và công nhận kết quả đăng ký sản phẩm vật liệu nổ

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Vụ Khoa học và Công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành thông báo bằng văn bản đến tổ chức, doanh nghiệp để thực hiện sản xuất thử nghiệm và quyết định thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ kiểm tra các chỉ tiêu đặc tính kỹ thuật trong phòng thí nghiệm;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập, Hội đồng khoa học và công nghệ tổ chức lấy mẫu, giám sát việc thử nghiệm các chỉ tiêu kỹ thuật tại phòng thử nghiệm được chỉ định. Chủ tịch Hội đồng khoa học và công nghệ quyết định việc thử nổ công nghiệp, trừ các trường hợp: Sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp là các loại phụ kiện nổ công nghiệp, thuốc nổ mạnh được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; không đảm bảo các điều kiện theo quy định để tiến hành thử nổ công nghiệp;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo việc chuẩn bị các điều kiện thực hiện thử nổ công nghiệp của tổ chức, doanh nghiệp, Hội đồng khoa học và công nghệ giám sát thử nổ công nghiệp xem xét phương án nổ mìn, hộ chiếu nổ mìn và trình tự tiến hành thử nổ công nghiệp; giám sát việc thử nổ công nghiệp tại các vị trí đã được phê duyệt; lập biên bản về kết quả thử nổ công nghiệp;

d) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản về kết quả thử nổ công nghiệp và báo cáo tính toán hiệu quả sử dụng sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp mới đạt yêu cầu, Vụ Khoa học và Công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Công

Thương ban hành quyết định công nhận kết quả đăng ký sản phẩm vật liệu nổ vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp theo Mẫu số 06 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với vật liệu nổ là sản phẩm của nhiệm vụ nghiên cứu có yêu cầu thử nổ công nghiệp, cho phép sử dụng kết quả thử nổ công nghiệp để nghiệm thu nhiệm vụ và đăng ký sản phẩm vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp.

Chương II

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

Điều 8. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý và khai thác Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

1. Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (sau đây viết tắt là Cơ sở dữ liệu) do Bộ Công Thương xây dựng, quản lý.
2. Việc cập nhật Cơ sở dữ liệu phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời và hiệu quả.
3. Việc khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu phải đúng quy định của pháp luật, đúng mục đích, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, bí mật nhà nước, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.
4. Bảo đảm quyền của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được tiếp cận, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu phù hợp với quy định của pháp luật.
5. Bảo đảm kinh phí duy trì và nâng cấp, phát triển Cơ sở dữ liệu.

Điều 9. Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Cơ sở dữ liệu

1. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu phải bảo đảm phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ Công Thương, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật; tính tương thích, khả năng tích hợp, chia sẻ thông tin, an toàn, an ninh thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng.

2. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho Cơ sở dữ liệu bao gồm:

- a) Hệ thống số hóa và tạo dựng nội dung số;
- b) Hệ thống máy chủ (bao gồm dịch vụ quản trị, vận hành);
- c) Hệ thống sao lưu và lưu trữ dữ liệu;
- d) Hệ thống an toàn, an ninh và bảo mật thông tin;
- đ) Đường truyền và các trang thiết bị phục vụ việc truy nhập, khai thác, cập nhật thông tin;



e) Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu.

Điều 10. Nội dung quản lý Cơ sở dữ liệu

1. Xây dựng quy trình nghiệp vụ thực hiện việc quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu.

2. Quản lý, lưu trữ Cơ sở dữ liệu bảo đảm an toàn về thông tin, dữ liệu trên đường truyền.

3. Phân quyền và quản lý tài khoản đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

4. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện việc quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu.

Điều 11. Cập nhật, tra cứu Cơ sở dữ liệu

1. Cập nhật dữ liệu, thông tin quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này được thực hiện như sau:

a) Trước khi chuyển đổi dữ liệu, phải kiểm tra, thống kê, lên danh sách cụ thể các trường thông tin trong mục chuyển đổi dữ liệu của Cơ sở dữ liệu, báo cáo cấp có thẩm quyền duyệt;

b) Thực hiện việc cập nhật dữ liệu vào hệ thống phần mềm.

2. Cập nhật dữ liệu báo cáo định kỳ, đột xuất về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

a) Sở Công Thương tiếp nhận báo cáo của tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, sản xuất, sử dụng tiền chất thuốc nổ và cập nhật dữ liệu báo cáo vào Cơ sở dữ liệu;

b) Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp tiếp nhận báo cáo của tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp và cập nhật dữ liệu báo cáo vào Cơ sở dữ liệu;

c) Cục Hóa chất tiếp nhận báo cáo của doanh nghiệp kinh doanh tiền chất thuốc nổ, xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ và cập nhật dữ liệu báo cáo vào Cơ sở dữ liệu;

d) Vụ Khoa học và Công nghệ thực hiện cập nhật đăng ký mới, đăng ký bổ sung để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, đánh giá và công nhận kết quả đăng ký sản phẩm vật liệu nổ trong giai đoạn nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, sản xuất hoặc lần đầu nhập khẩu vào Việt Nam vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp vào Cơ sở dữ liệu.

3. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư này thực hiện cập nhật thông tin giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ vào Cơ sở dữ liệu. Các thông tin bao gồm: Tên, mã số

thuế của tổ chức, doanh nghiệp; số, ngày cấp, cơ quan cấp giấy phép, giấy chứng nhận; thời gian hiệu lực, phạm vi hoạt động của giấy phép, giấy chứng nhận; chủng loại, quy mô sản xuất, kinh doanh, sử dụng; các nội dung về xuất khẩu, nhập khẩu.

4. Tra cứu dữ liệu, thông tin

a) Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Cục Hóa chất, Vụ Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương được phép tra cứu dữ liệu, thông tin về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trong phạm vi quản lý. Trường hợp tra cứu dữ liệu, thông tin ngoài phạm vi quản lý thì phải có văn bản đề nghị đơn vị sở hữu dữ liệu, thông tin quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này cho phép tra cứu và được Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số cung cấp tài khoản sau khi được sự đồng ý của đơn vị sở hữu dữ liệu, thông tin;

b) Tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước khác có nhu cầu tra cứu phải có văn bản đề nghị đơn vị sở hữu dữ liệu, thông tin quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này cho phép tra cứu và được Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số cung cấp tài khoản sau khi được sự đồng ý của đơn vị sở hữu dữ liệu, thông tin.

Điều 12. Duy trì và nâng cấp, phát triển Cơ sở dữ liệu

1. Duy trì Cơ sở dữ liệu

a) Bảo đảm hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và môi trường cho việc cài đặt, vận hành Cơ sở dữ liệu;

b) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh Cơ sở dữ liệu;

c) Thường xuyên cập nhật, nâng cấp, bảo trì, khắc phục sự cố để bảo đảm Cơ sở dữ liệu hoạt động ổn định, liên tục;

d) Thiết lập và duy trì hệ thống dự phòng, sao lưu dữ liệu, phục hồi dữ liệu;

đ) Thực hiện hoạt động giám sát để cảnh báo các hành vi gây mất an toàn Cơ sở dữ liệu.

2. Rà soát, đề xuất phương án đầu tư mở rộng, duy trì và nâng cấp, phát triển Cơ sở dữ liệu cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

Điều 13. Kinh phí xây dựng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu

1. Kinh phí xây dựng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước hoặc huy động từ các nguồn kinh phí khác.

2. Kinh phí xây dựng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu bao gồm:

a) Kinh phí để thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 của Thông tư này;

b) Thu thập, xử lý, cập nhật, tích hợp thông tin vào Cơ sở dữ liệu;

c) Kiểm tra, giám sát việc quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu.

Chương III

ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ RỦI RO VỀ AN TOÀN; XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN NỔ MÌN, HỘ CHIẾU NỔ MÌN, KẾ HOẠCH ỨNG CỨU KHẨN CẤP VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ, ĐỘT XUẤT VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

Điều 14. Đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn

1. Tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, bảo quản, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn theo nội dung quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi liên quan đến các điều kiện an toàn, tổ chức quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải rà soát, cập nhật để đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn.

Điều 15. Phương án, hộ chiếu nổ mìn

1. Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải lập Phương án nổ mìn theo nội dung quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này và được người quản lý của tổ chức, doanh nghiệp phê duyệt.

2. Căn cứ nội dung của Phương án nổ mìn, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải lập Hộ chiếu nổ mìn theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này cho mỗi lần nổ mìn.

Điều 16. Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp

1. Tổ chức, doanh nghiệp quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo nội dung quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp phải thể hiện đầy đủ các phương án xử lý tình huống khẩn cấp theo kết quả đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn quy định tại Điều 14 của Thông tư này.

3. Định kỳ hàng năm, tổ chức, doanh nghiệp quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện luyện tập, diễn tập xử lý các tình huống khẩn cấp. Kết quả luyện tập, diễn tập được đánh giá và ghi chép để hoàn thiện kế hoạch ứng cứu khẩn cấp.

4. Định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi liên quan đến công tác ứng cứu khẩn cấp, tổ chức, doanh nghiệp quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải thực hiện rà soát, cập nhật, phê duyệt kế hoạch ứng cứu khẩn cấp để phù hợp với thực tiễn.

Điều 17. Báo cáo định kỳ, đột xuất

1. Báo cáo định kỳ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

a) Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp báo cáo Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trước ngày 20 tháng 6 đối với báo cáo sáu tháng, trước ngày 20 tháng 12 đối với báo cáo năm;

b) Tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp báo cáo Sở Công Thương theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trước ngày 18 tháng 6 đối với báo cáo sáu tháng, trước ngày 18 tháng 12 đối với báo cáo năm.

2. Báo cáo định kỳ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng tiền chất thuốc nổ

a) Tổ chức, doanh nghiệp được phép kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ báo cáo Cục Hóa chất theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trước ngày 20 tháng 6 đối với báo cáo sáu tháng và trước ngày 20 tháng 12 đối với báo cáo năm;

b) Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất tiền chất thuốc nổ báo cáo Sở Công Thương theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trước ngày 18 tháng 6 đối với báo cáo sáu tháng và trước ngày 18 tháng 12 đối với báo cáo năm;

c) Tổ chức sử dụng tiền chất thuốc nổ báo cáo Sở Công Thương theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này trước ngày 18 tháng 6 đối với báo cáo sáu tháng và trước ngày 18 tháng 12 đối với báo cáo năm.

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo; thời gian chốt số liệu báo cáo năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

4. Tổ chức, doanh nghiệp quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ báo cáo đột xuất với cơ quan có thẩm quyền trong các trường hợp sau:

a) Báo cáo Công an cấp huyện và Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tiến hành hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện: Xảy ra xâm nhập trái phép khu vực tồn trữ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ, mất cắp, thất thoát hoặc xảy ra tai nạn, sự cố trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

b) Báo cáo Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi

tiền hành hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trong thời hạn 48 giờ kể từ khi chấm dứt hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

c) Thực hiện báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

d) Nội dung báo cáo đột xuất theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Báo cáo định kỳ, đột xuất được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử được gửi đến cơ quan nhận báo cáo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này bằng một trong các phương thức sau: Gửi trực tiếp; gửi qua dịch vụ bưu chính; gửi qua trực liên thông văn bản quốc gia; thư điện tử; hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng trên hệ thống Cơ sở dữ liệu về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ hoặc phương thức khác theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức, doanh nghiệp quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện báo cáo theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này và báo cáo về cấp trên là cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng để tổng hợp, báo cáo về cơ quan được Bộ Quốc phòng giao quản lý nhà nước về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan thuộc Bộ Công Thương

1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật an toàn về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

b) Chủ trì, tổ chức thực hiện kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan đến quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, sản xuất tiền chất thuốc nổ theo quy định của pháp luật;

c) Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật trong quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

d) Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép, giấy chứng nhận quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này; ban hành văn bản quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 4 Thông tư này;

đ) Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất trong quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định tại Điều 17 Thông tư này; định kỳ tổng kết công tác quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

e) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình sản xuất, kho chứa vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo thẩm quyền quy định của pháp luật về xây dựng;

g) Cập nhật dữ liệu, thông tin vào Cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 11 Thông tư này.

2. Cục Hóa chất

a) Hướng dẫn việc thực hiện các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định của pháp luật;

b) Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này;

c) Chủ trì, tổ chức thực hiện kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ và kinh doanh tiền chất thuốc nổ theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục tiền chất thuốc nổ;

đ) Cập nhật dữ liệu, thông tin vào Cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 11 Thông tư này.

3. Vụ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; tổ chức quản lý công tác nghiên cứu, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

b) Tiếp nhận đăng ký mới, đăng ký bổ sung theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư này.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục vật liệu nổ công nghiệp.

d) Cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

4. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan xây dựng, cập nhật, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu;

b) Duy trì, nâng cấp, phát triển Cơ sở dữ liệu, bao gồm hạ tầng kỹ thuật và phần mềm của Cơ sở dữ liệu;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện việc quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan của địa phương thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ trên địa bàn theo quy định của pháp luật; theo dõi, giám sát việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và dịch vụ nổ mìn theo thông báo của tổ chức, doanh nghiệp để đảm bảo an ninh, an toàn.

2. Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép, giấy chứng nhận quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này.

3. Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật trong quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn quản lý.

4. Báo cáo Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Tình hình quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh trước ngày 30 tháng 6 đối với báo cáo sáu tháng, trước ngày 30 tháng 12 đối với báo cáo năm theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Sau khi tiếp nhận báo cáo đột xuất của tổ chức, doanh nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư này, trong thời hạn 24 giờ phải báo cáo theo Mẫu số 05 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước của cơ quan chuyên môn về xây dựng ở địa phương đối với công trình sản xuất, kho chứa vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo thẩm quyền quy định của pháp luật về xây dựng.

6. Cập nhật dữ liệu, thông tin vào Cơ sở dữ liệu theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 11 Thông tư này.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Bãi bỏ Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; Thông tư số 31/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 12 Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành.



3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo văn bản mới đó.

4. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm soát TTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Công báo;
- Website Chính phủ; website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, ATMT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Thanh Hoài



Phụ lục I

DANH MỤC THUỐC NỔ CÔNG NGHIỆP, PHỤ KIỆN NỔ CÔNG NGHIỆP VÀ THUỐC NỔ MẠNH ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH, SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM

(kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Tên sản phẩm	Mã HS
I	Thuốc nổ công nghiệp	
1	Thuốc nổ Amonit AD1	3602.00.00
2	Thuốc nổ TNP1	3602.00.00
3	Thuốc nổ bột không có TNT dùng cho lộ thiên	3602.00.00
4	Thuốc nổ ANFO	3602.00.00
5	Thuốc nổ ANFO chịu nước	3602.00.00
6	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên	3602.00.00
7	Thuốc nổ nhũ tương năng lượng cao dùng cho lộ thiên	3602.00.00
8	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí nổ	3602.00.00
9	Thuốc nổ nhũ tương tạo biên dùng cho lộ thiên và mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí nổ	3602.00.00
10	Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có độ thoát khí mê tan siêu hạng	3602.00.00
11	Thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có khí nổ	3602.00.00
12	Thuốc nổ nhũ tương rời	3602.00.00
13	Thuốc nổ nhũ tương rời bao gói	3602.00.00
II	Phụ kiện nổ công nghiệp	
1	Kíp nổ đốt số 8	3603.60.00
2	Kíp nổ điện số 8	3603.60.00
3	Kíp nổ điện vi sai	3603.60.00
4	Kíp nổ điện vi sai an toàn	3603.60.00
5	Kíp nổ vi sai phi điện xuống lỗ	3603.60.00

W Aug

TT	Tên sản phẩm	Mã HS
6	Kíp nổ vi sai phi điện trên mặt dùng cho lộ thiên, mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí bụi nổ	3603.60.00
7	Kíp nổ vi sai phi điện dùng cho mỏ hầm lò/đường hầm không có khí bụi nổ	3603.60.00
8	Kíp vi sai phi điện MS	3603.60.00
9	Kíp vi sai phi điện nổ chậm LP	3603.60.00
10	Kíp nổ điện tử	3603.60.00
11	Dây dẫn tín hiệu nổ	3603.50.00
12	Dây cháy chậm công nghiệp	3603.50.00
13	Dây nổ chịu nước	3603.50.00
14	Dây nổ thường	3603.50.00
15	Kíp khởi nổ phi điện (cuộn dây LIL)	3603.60.00
16	Môi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp	3602.00.00
17	Mìn phá đá quá cỡ	3602.00.00
18	Môi nổ tăng cường	3602.00.00
III	Thuốc nổ mạnh	
1	Thuốc nổ Hexogen	3602.00.00
2	Thuốc nổ Trinitrotoluen (TNT)	3602.00.00
3	Thuốc nổ Octogen	3602.00.00
4	Thuốc nổ Pentrit	3602.00.00
5	Thuốc nổ hỗn hợp của các loại thuốc nổ mạnh đơn chất	3602.00.00



Phụ lục II
DANH MỤC TIỀN CHẤT THUỐC NỔ ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH, SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM

(kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Tên tiền chất thuốc nổ	Tên tiếng Anh	Công thức phân tử	Mã CAS	Mã HS
1	Amoni Nitrat $\geq 98,5\%$	Ammonium nitrate $\geq 98,5\%$	NH_4NO_3	6484-52-2	3102.30.00
2	Nitro Metan $\geq 96\%$	Methane $\geq 96\%$	CH_3NO_2	72-52-5	2904.20.90
3	Natri Nitrat $\geq 98,5\%$	Sodium Nitrate $\geq 98,5\%$	NaNO_3	7631-99-4	2834.29.90
4	Kali Nitrat $\geq 98,5\%$	Potassium Nitrate $\geq 98,5\%$	KNO_3	7757-79-1	2834.21.00
5	Natri Clorat $\geq 84,0\%$	Sodium Chlorate $\geq 84,0\%$	NaClO_3	7775-09-9	2829.11.00
6	Kali Clorat $\geq 98,5\%$	Potassium Chlorate $\geq 98,5\%$	KClO_3	3811-04-9	2829.19.00
7	Kali Perclorat $\geq 98,5\%$	Potassium Perchlorate $\geq 98,5\%$	KClO_4	7778-74-7	2829.90.90

Phụ lục III
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ, GIẤY PHÉP, GIẤY CHỨNG NHẬN VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ
(kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Ký hiệu	Tên biểu mẫu
Mẫu số 01	Giấy đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
Mẫu số 02	Giấy đề nghị cấp/cấp lại giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp
Mẫu số 03	Giấy đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
Mẫu số 04	Giấy đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp
Mẫu số 05	Giấy đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép dịch vụ nổ mìn
Mẫu số 06	Giấy đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ
Mẫu số 07	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ
Mẫu số 08	Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ
Mẫu số 09	Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ
Mẫu số 10	Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp
Mẫu số 11	Giấy phép dịch vụ nổ mìn



Mẫu số 01. Giấy đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽²⁾....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ

.....⁽³⁾.....

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên tổ chức/doanh nghiệp:

Nơi đặt trụ sở chính (*Thôn (tổ), xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố)*):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số ... do ... cấp ngày tháng ... năm ... hoặc Quyết định thành lập số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...

Điện thoại: Fax:

Họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số ... do... cấp ngày ... tháng ... năm... (nếu có)

Lý do đề nghị cấp:

.....⁽⁵⁾.....

.....⁽⁶⁾.....

Giấy phép môi trường số ngày tháng năm ... của

Địa điểm sản xuất:.....⁽⁷⁾.....

Công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Quốc phòng hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ quản lý vật liệu nổ công nghiệp (nếu có).

Họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ (nếu có):

Đề nghị⁽⁴⁾..... xem xét và cấp⁽³⁾..... cho tổ chức, doanh nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

.....⁽⁸⁾.....

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) Tên tổ chức/doanh nghiệp đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận.
- (2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đóng trụ sở chính.
- (3) Ghi rõ cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.
- (4) Cơ quan cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
- (5) Số văn bản đề nghị của Bộ Quốc phòng hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ quản lý vật liệu nổ công nghiệp đối với tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng đối với đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
- (6) Số quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương công nhận kết quả đăng ký của sản phẩm và đưa sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp vào Danh mục vật liệu nổ công nghiệp đối với đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
- (7) Ghi rõ tên địa danh đặt dây chuyền sản xuất vật liệu nổ công nghiệp: Thôn (tổ), xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố).
- (8) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

Mẫu số 02. Giấy đề nghị cấp/cấp lại giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp

.....⁽¹⁾.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....⁽²⁾....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ

.....⁽³⁾.... **giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp**

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên doanh nghiệp:.....

Nơi đặt trụ sở chính (*Thôn (tổ), xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố)*):

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... hoặc Quyết định thành lập số ... ngày ... tháng .. năm của...

Họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Lý do đề nghị cấp:

Danh sách lãnh đạo, cán bộ quản lý có liên quan trực tiếp đến công tác bảo quản, vận chuyển, kinh doanh;

Số giấy chứng nhận của cơ quan nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng đo lường cấp cho cơ sở thí nghiệm vật liệu nổ công nghiệp (nếu có):

.....⁽⁵⁾.....

Công văn số ngày tháng năm 2024 của Bộ Quốc phòng hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ quản lý vật liệu nổ công nghiệp (nếu có).

Họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ (nếu có):

Đề nghị⁽⁴⁾..... xem xét và cấp⁽³⁾..... giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp cho doanh nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

.....⁽⁶⁾.....

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) Tên doanh nghiệp đề nghị cấp/cấp lại giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp.
- (2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đề nghị cấp/cấp lại giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp đóng trụ sở chính.
- (3) Ghi rõ cấp/cấp lại giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp.
- (4) Cơ quan cấp/cấp lại giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp.
- (5) Số văn bản đề nghị của Bộ Quốc phòng hoặc cơ quan được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ quản lý vật liệu nổ công nghiệp đối với tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng.
- (6) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

Mẫu số 03. Giấy đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽²⁾....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Cấp giấy phép⁽³⁾.....

Kính gửi: Cục Hóa chất

Tên doanh nghiệp:.....

Nơi đặt trụ sở chính (*Thôn (tổ), xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố)*):

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... hoặc Quyết định thành lập số ... ngày ... tháng ... năm ... của...

Họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật:

Số giấy phép kinh doanh (*áp dụng đối với tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ*):

Lý do đề nghị cấp:

TT	Tên ⁽⁴⁾ ...	Đơn vị tính	Nước sản xuất	Số lượng	Số lượng
1					
2					
...					

Cửa khẩu; phương tiện, thời gian vận chuyển:

Họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ (nếu có):

Đề nghị⁽⁴⁾..... xem xét và cấp giấy phép⁽³⁾..... cho doanh nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

.....⁽⁵⁾.....
(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Handwritten signature

Chú thích:

- (1) Tên doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.
- (2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đóng trụ sở chính.
- (3) Loại hình cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (giấy phép xuất khẩu vật liệu nổ công nghiệp; giấy phép nhập khẩu tiền chất thuốc nổ;...).
- (4) Tên vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.
- (5) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

Mẫu số 04. Giấy đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽²⁾....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ

.....⁽³⁾.... giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên tổ chức, doanh nghiệp:.....
 Nơi đặt trụ sở chính (*Thôn (tổ), xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố)*):

.....
 Điện thoại: Fax:
 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số do cấp ngày ... tháng ... năm ... hoặc Quyết định thành lập số ... ngày ... tháng ... năm ... của...

Họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Lý do đề nghị cấp:

Chủng loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp sử dụng:

STT	Tên vật liệu nổ công nghiệp ⁽⁵⁾	Đơn vị tính	Số lượng ⁽⁶⁾	Ghi chú
1				
2				
...				

Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (*Thôn (tổ), xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố)*):

Thời hạn sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:

Họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ (nếu có):

Đề nghị⁽⁴⁾..... xem xét và cấp⁽³⁾..... giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho doanh nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

.....⁽⁷⁾.....
 (Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A



Chú thích:

- (1) Tên tổ chức/doanh nghiệp đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.
- (2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đóng trụ sở chính.
- (3) Ghi rõ cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.
- (4) Cơ quan cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.
- (5) Ghi rõ chủng loại vật liệu nổ công nghiệp sử dụng (ghi đúng tên vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Phụ lục I của Thông tư này, ví dụ: Thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên; kíp nổ điện số 8; dây nổ chịu nước...).
- (6) Ghi rõ số lượng vật liệu nổ công nghiệp sử dụng hàng năm đối với sử dụng để khai thác khoáng sản hoặc trong thời hạn của giấy phép đối với sử dụng để thi công công trình (Ví dụ: thuốc nổ các loại: 1.000 kg/năm; kíp nổ các loại: 6.500 cái/năm; dây nổ chịu nước 1.300 m/năm;...).
- (7) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

Mẫu số 05. Giấy đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép dịch vụ nổ mìn

.....⁽¹⁾.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....⁽²⁾....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

.....⁽³⁾..... giấy phép dịch vụ nổ mìn

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên tổ chức/doanh nghiệp:

Nơi đặt trụ sở chính (*Thôn (tổ), xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố)*):
.....

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số do cấp ngày tháng ... năm ... hoặc Quyết định thành lập số ... ngày ... tháng .. năm của...

Họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Lý do đề nghị cấp:⁽⁵⁾.....

.....⁽⁶⁾.....

.....⁽⁷⁾.....

Họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ (nếu có):

Đề nghị⁽⁴⁾..... xem xét và cấp⁽³⁾..... giấy phép dịch vụ nổ mìn cho tổ chức/doanh nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

.....⁽⁸⁾.....
(*Chữ ký, dấu*)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) Tên tổ chức/doanh nghiệp đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép dịch vụ nổ mìn.
- (2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép dịch vụ nổ mìn đóng trụ sở chính.
- (3) Ghi rõ cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép dịch vụ nổ mìn.
- (4) Cơ quan cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép dịch vụ nổ mìn.
- (5) Ghi rõ lý do đề nghị cấp (Ví dụ: sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để thực hiện nổ mìn dịch vụ trên địa bàn tỉnh Yên Bái; sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để thực hiện nổ mìn dịch vụ trên thềm lục địa...).
- (6) Ghi rõ số, ngày tháng của văn bản đề nghị của Bộ Quốc phòng hoặc cơ quan được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ quản lý vật liệu nổ công nghiệp đối với doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.
- (7) Ghi rõ số, ngày tháng của đề nghị văn bản của cơ quan có thẩm quyền đề nghị cấp giấy phép dịch vụ nổ mìn (Ví dụ: UBND tỉnh, thành phố ...).
- (8) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.

Mẫu số 06. Giấy đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽²⁾....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

.....⁽³⁾.... giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ

Kính gửi:⁽⁴⁾.....

Tên doanh nghiệp:.....

Nơi đặt trụ sở chính (*Thôn (tổ), xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố)*):

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... hoặc Quyết định thành lập số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...

Họ tên, địa chỉ, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số do cấp ngày tháng ... năm... đối với doanh nghiệp kinh doanh Amoni Nitrat có hàm lượng từ 98,5% trở lên.

Lý do đề nghị cấp:

Số văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với kho bảo quản tiền chất thuốc nổ;

Số giấy phép môi trường:

Họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ (nếu có):

Đề nghị⁽⁴⁾..... xem xét và cấp⁽³⁾..... giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ cho doanh nghiệp theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

.....⁽⁶⁾.....
(*Chữ ký, dấu*)

Nguyễn Văn A

Chú thích:

- (1) Tên doanh nghiệp đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ.
- (2) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đề nghị cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ đóng trụ sở chính.
- (3) Ghi rõ cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ.
- (4) Cơ quan cấp/cấp lại/cấp điều chỉnh giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ.
- (5) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.



Mẫu số 07. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ

.....⁽¹⁾.....
⁽²⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...⁽³⁾...

...⁽⁴⁾..., ngày ... tháng ... năm 20...

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT⁽⁵⁾.....

.....⁽⁶⁾.....

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024;
 Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của⁽⁷⁾.....;

Theo đề nghị của⁽⁸⁾.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận đây chuyên sản xuất⁽⁵⁾..... của⁽⁷⁾.....;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số: do ...⁽⁹⁾... cấp ngày ... tháng ... năm hoặc Quyết định thành lập số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...;

Trụ sở tại:⁽¹⁰⁾.....;

Điện thoại: ; Fax:;

Đủ điều kiện sản xuất⁽⁵⁾.....

Điều 2. Điều kiện sản xuất

- Địa điểm sản xuất:.....;

- Loại⁽¹⁾.....:⁽¹¹⁾.....;

- Công suất tối đa:

- Điều kiện khác:

Điều 3. ...⁽⁷⁾... phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; ...⁽¹²⁾... và những quy định pháp luật liên quan./.

Nơi nhận:

-⁽²⁾.....;

-⁽¹⁴⁾.....;

- Lưu:⁽¹⁵⁾.....,

.....⁽¹³⁾.....

(Chữ ký, dấu)

(Handwritten signature)

Chú thích:

- (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan cấp giấy chứng nhận (Ví dụ: Bộ Công Thương, UBND tỉnh...).
 - (2) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
 - (3) Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy chứng nhận.
 - (4) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ quan cấp giấy chứng nhận đóng trụ sở chính.
 - (5) Loại hàng hóa sản xuất (Ví dụ: vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ).
 - (6) Thủ trưởng cơ quan cấp giấy chứng nhận.
 - (7) Tên tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận.
 - (8) Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận.
 - (9) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương).
 - (10) Địa chỉ được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) hoặc quyết định thành lập.
 - (11) Tên vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo Danh mục vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.
 - (12) Tên các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến sản xuất vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ (QCVN 01:2019/BCT)).
 - (13) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.
 - (14) Tên các tổ chức có liên quan.
 - (15) Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận; số lượng giấy chứng nhận lưu.
- * Kích thước của Giấy phép: A4 (210mm x 297mm).

Mẫu số 08. Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ

BỘ CÔNG THƯƠNG

.....⁽¹⁾.....

Số: /.....⁽²⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

GIẤY PHÉP KINH DOANH⁽³⁾.....

.....⁽⁴⁾.....

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024;
Căn cứ Thông tư số **23/2024/TT-BCT** ngày **07** tháng **11** năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của⁽⁵⁾.....;

Theo đề nghị của⁽⁶⁾.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép⁽⁵⁾.....;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số: do⁽⁷⁾..... cấp ngày ... tháng ... năm ;

Trụ sở tại:⁽⁸⁾.....;

Điện thoại: ; Fax:;

Được kinh doanh⁽³⁾.....

.....⁽⁹⁾.....

Điều 2. Điều kiện kinh doanh

1.⁽¹⁰⁾.....

2. Các điều kiện khác (phạm vi, các hạn chế về kinh doanh...).

Điều 3......⁽⁵⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số **23/2024/TT-BCT** ngày **07** tháng **11** năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; ...⁽¹¹⁾... và những quy định pháp luật liên quan./.

Nơi nhận:

-⁽⁵⁾.....;

-⁽¹³⁾.....;

- Lưu:⁽¹⁴⁾.....,

.....⁽¹²⁾.....

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Handwritten signature

Chú thích:

- (1) Tên cơ quan cấp giấy phép.
 - (2) Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy phép.
 - (3) Tên hàng hóa được phép kinh doanh (Ví dụ: vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ).
 - (4) Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép.
 - (5) Tên doanh nghiệp được cấp giấy phép.
 - (6) Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.
 - (7) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương).
 - (8) Địa chỉ được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương).
 - (9) Địa chỉ kho chứa tiền chất thuốc nổ (ghi rõ địa chỉ), kho của bên mua/bên bán (ghi rõ tên công ty) (sử dụng đối với giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ).
 - (10) Chủng loại, tên hàng hóa được kinh doanh (Ví dụ: vật liệu nổ công nghiệp; Amoni Nitrat).
 - (11) Tên các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ (QCVN 01:2019/BCT)).
 - (12) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.
 - (13) Tên các tổ chức có liên quan.
 - (14) Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.
- * Kích thước của Giấy phép: A4 (210mm x 297mm).

Mẫu số 09. Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp/tiền chất thuốc nổ

BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC HÓA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-HC

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...

GIẤY PHÉP⁽¹⁾.....

CỤC TRƯỞNG CỤC HÓA CHẤT

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024;
Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của⁽²⁾.....;

Theo đề nghị của⁽³⁾.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép⁽²⁾.....;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) số: do⁽⁴⁾..... cấp ngày ... tháng ... năm hoặc Quyết định thành lập số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...;

Trụ sở tại:⁽⁵⁾.....;

Điện thoại: ; Fax:;

Được⁽¹⁾.....

Điều 2. Điều kiện⁽¹⁾.....

1. Chung loại, số lượng, nước sản xuất.....⁽⁶⁾..... (phụ lục kèm theo);

2. Tên cửa khẩu⁽¹⁾..... ;

3. Phương tiện vận chuyển:

4. Thời gian: từ ngày đến ngày ... tháng ... năm 20...

Điều 3.⁽²⁾..... phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số .../2024/TT-BCT ngày ... tháng ... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;⁽⁷⁾..... và những quy định pháp luật liên quan./

Nơi nhận:

-⁽²⁾.....;

-⁽⁸⁾.....;

- Lưu:⁽⁹⁾.....,

CỤC TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

(Handwritten signature)

Chú thích:

- (1) Tên loại hình hoạt động (Ví dụ: Xuất khẩu vật liệu nổ công nghiệp; nhập khẩu tiền chất thuốc nổ...).
 - (2) Tên tổ chức/doanh nghiệp được cấp giấy phép.
 - (3) Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.
 - (4) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương).
 - (5) Địa chỉ được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) hoặc quyết định thành lập.
 - (6) Loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (Ví dụ: kíp nổ điện số 8, Amoni Nitrat).
 - (7) Tên các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ (QCVN 01:2019/BCT)).
 - (8) Tên các tổ chức có liên quan;
 - (9) Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.
- * Kích thước của Giấy phép: A4 (210mm x 297mm).

Mẫu số 10. Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...(3)...

...⁽⁴⁾..., ngày ... tháng ... năm 20...

GIẤY PHÉP SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

.....(5).....

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 23./2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của(6).....;

Theo đề nghị của(7).....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép(6).....;

.....(8)..... do(9)..... cấp ngày ... tháng ... năm ;

Trụ sở tại:(10).....;

Điện thoại: ; Fax:

Được sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để(11).....

Điều 2. Điều kiện sử dụng

1. Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:.....

2. Chủng loại, số lượng vật liệu nổ công nghiệp được phép sử dụng:

3. Điều kiện khác:(12).....

4. ...⁽⁶⁾... phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 23./2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; ...⁽¹³⁾... và những quy định pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến ngày ... tháng ... năm 20.../.

Nơi nhận:

-(6).....;

-(15).....;

- Lưu:(16).....,

.....(14).....

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

Handwritten signature

Chú thích:

- (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan cấp giấy phép (*Vi dụ: Bộ Công Thương, UBND tỉnh ...*).
- (2) Tên cơ quan cấp giấy phép.
- (3) Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy phép.
- (4) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi cơ quan cấp phép đóng trụ sở chính.
- (5) Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép.
- (6) Tên tổ chức, doanh nghiệp được cấp giấy phép.
- (7) Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.
- (8) Số giấy đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) hoặc số quyết định thành lập.
- (9) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) hoặc quyết định thành lập.
- (10) Địa chỉ được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) hoặc quyết định thành lập.
- (11) Mục đích sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để: Khai thác, xây dựng công trình, thử nghiệm.
- (12): Quy định điều kiện đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (*Vi dụ: Lượng thuốc nổ lớn nhất trong một lần sử dụng, phương pháp điều khiển nổ, khoảng cách an toàn, thời điểm nổ mìn,...*).
- (13) Tên các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (*Vi dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ số QCVN 01:2019/BCT*).
- (14) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký.
- (15) Tên các tổ chức có liên quan.
- (16) Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.
- * Kích thước của Giấy phép: A4 (210mm x 297mm).

Mẫu số 11. Giấy phép dịch vụ nổ mìn

.....⁽¹⁾.....
⁽²⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....⁽³⁾.....

.....⁽⁴⁾..., ngày tháng năm 20..

GIẤY PHÉP DỊCH VỤ NỔ MÌN

.....⁽⁵⁾.....

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 23./2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương;

Xét đề nghị của⁽⁶⁾.....;

Theo đề nghị của⁽⁷⁾.....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép⁽⁶⁾.....;

.....⁽⁸⁾..... do⁽⁹⁾..... cấp ngày ... tháng ... năm ;

Trụ sở tại:⁽¹⁰⁾.....;

Điện thoại: ; Fax:

Được sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để thực hiện dịch vụ nổ mìn.

Điều 2. Điều kiện sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

1. Phạm vi hoạt động:.....;

2. Điều kiện khác:

3. ...⁽⁶⁾... phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 23./2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; ...⁽¹¹⁾... và những quy định pháp luật liên quan; thông báo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trước khi thực hiện dịch vụ nổ mìn.

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến ngày ... tháng ... năm 20.../.

Nơi nhận:

-⁽⁶⁾.....;

-⁽¹³⁾.....;

- Lưu:⁽¹⁴⁾.....,

.....⁽¹²⁾.....

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

(Handwritten signature)

Chú thích:

- (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan cấp giấy phép (đối với trường hợp có cơ quan chủ quản).
 - (2) Tên cơ quan cấp giấy phép.
 - (3) Tên viết tắt của cơ quan cấp giấy phép.
 - (4) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cơ quan cấp phép đóng trụ sở chính.
 - (5) Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép.
 - (6) Tên tổ chức, doanh nghiệp chức được cấp giấy phép.
 - (7) Thủ trưởng bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.
 - (8) Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) hoặc số quyết định thành lập.
 - (9) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) hoặc quyết định thành lập.
 - (10) Địa chỉ được ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) hoặc quyết định thành lập.
 - (11) Tên các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (Ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ (QCVN 01:2019/BCT)).
 - (12) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký..
 - (13) Tên các tổ chức có liên quan.
 - (14) Tên viết tắt của bộ phận tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; số lượng giấy phép lưu.
- * Kích thước của Giấy phép: A4 (210mm x 297mm).